

**NGHỊ QUYẾT**
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NIÊN ĐỘ 2025 – 2026*(V/v Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty)*

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020, được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm ("**Luật Doanh nghiệp**");
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm ("**Luật Chứng khoán**");
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 ("**Nghị định 155**");
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155 ("**Thông tư 116**");
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa ("**Điều lệ**");
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên niên độ 2025 - 2026 số .../2026/BBH-ĐHĐCĐ ngày/...../2026 của Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, nội dung chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm Nghị quyết này.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm triển khai, giám sát và báo cáo việc thực hiện Nghị quyết này./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Nơi nhận:

- HĐQT, BTGD;
- Lưu: TKCT.

ĐẶNG HUỲNH ỨC MY

PHỤ LỤC: BẢNG ĐỀ XUẤT NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

(Đính kèm Nghị quyết số ngày .../.../2026 v/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Phụ lục chi tiết nội dung sửa đổi, bổ sung)

Ghi chú:

- Các Điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi;
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Nội dung tại văn bản hiện hành” là các nội dung được in nghiêng, gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi, bổ sung tại mục “Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung” là nội dung được in đậm, gạch chân.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
1	Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu <i>7. Người sở hữu chứng nhận cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng nhận và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng nhận này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo</i>	Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu <u>Bổ khoản 7 Điều 6</u>	Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp	Theo quy định pháp luật không có khái niệm chứng nhận cổ phiếu vô danh nên cần bổ khoản này.
2	Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm: a. Đại hội đồng cổ đông; b. Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị; c. Tổng giám đốc.	Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm: a. Đại hội đồng cổ đông; b. Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị; c. <u>Các Ủy ban, tiểu ban, ban, đơn vị hỗ trợ khác trực thuộc Hội đồng quản trị được thành lập theo quyết định của Hội đồng quản trị;</u> d. Tổng giám đốc.		Bổ sung cơ cấu phù hợp với mô hình quản trị hiện tại của Công ty
3	Điều 11. Quyền của cổ đông	Điều 11. Quyền của cổ đông	Điểm a khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020 Điểm b, khoản 1 Điều 37 Điều lệ	Sửa đổi để phù hợp với quy định của điểm b, khoản 1 Điều 37 Điều lệ

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau: b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty, được xác định theo quy định, quy chế nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau: Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, <u>báo cáo của Ủy ban kiểm toán</u>, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty, được xác định theo quy định, quy chế nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành		
4	Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông 2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty	Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông 2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: <u>e. Bỏ phiếu điện tử trên hệ thống bỏ phiếu điện tử do Công ty quy định vào từng thời điểm hoặc</u> gửi ý kiến biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty	Điểm đ, khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020	Điều chỉnh để phù hợp với các thể thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông thực hiện quyền cổ đông theo quy định pháp luật và Điều lệ.
5	Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a. Các hợp đồng quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người	Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a. Các hợp đồng quy định tại <u>điểm i</u>, khoản 3 Điều 14 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc		Điều chỉnh thuộc về kỹ thuật trình bày dẫn chiếu.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;	người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;		
6	Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 4.Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, <u>địa chỉ thường trú</u>, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc <u>số quyết định thành lập</u>, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó sở hữu, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp	Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 4.Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, <u>địa chỉ liên lạc</u>, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc <u>số giấy tờ pháp lý của tổ chức</u>, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó sở hữu, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.	Điểm c khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020	Chỉnh sửa về thuật ngữ pháp lý để thống nhất với Luật Doanh nghiệp 2020
7	Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông Chưa có	Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông <u>Bổ sung khoản 1</u> <u>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập và tổ chức theo quy định của pháp luật và Điều lệ này để các cổ đông tham dự trực tiếp tại một địa điểm hoặc tham dự trực tuyến thông qua phương tiện điện tử hoặc kết hợp cả hai hình thức, nhằm thảo luận, biểu quyết và quyết định các vấn đề</u>	Khoản 1 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020 Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020	Bổ sung quy định về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để rõ về thẻ thức tiến hành họp có thể bao gồm trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
		<u>thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</u>		
8	Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 1.Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.	Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông Điều chỉnh số thứ tự khoản từ 1 thành 2 và điều chỉnh nội dung khoản này thành: 2..Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông tham dự cuộc họp	Khoản 1 Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020	Điều chỉnh để đảm bảo với các hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
9	Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 8.Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp, bao gồm nhưng không giới hạn ở: b.Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại <u>các</u> địa điểm họp;	Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 8.Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp, bao gồm nhưng không giới hạn ở: b.Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm họp;	Khoản 1 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020	Điều chỉnh về từ ngữ để đảm bảo tính chuẩn xác do địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có thể là một địa điểm
10	Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 3.Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và khoản 1 Điều 16 Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 50% của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.	Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 3.Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và khoản 1 Điều 16 Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 50% <u>tổng số phiếu biểu quyết</u> của tất cả	Khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020	Chỉnh sửa về thuật ngữ pháp lý để thống nhất với Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
		cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.		
11	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty <u>và giám sát việc triển khai và thực hiện chiến lược của Công ty, bao gồm việc xem xét, theo dõi tiến độ, kết quả thực hiện và các vấn đề trọng yếu phát sinh trong quá trình thực hiện chiến lược theo các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.</u>	Nguyên tắc 1.2.2 VNCG Code 2026	Bổ sung theo khuyến nghị của VNCG Code 2026 về việc Hội đồng quản trị cần phải thể chế hóa quy trình xem xét, theo dõi, giám sát việc thực hiện chiến lược của Công ty.
12	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc <u>và người quản lý khác</u> trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;	Khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 và điểm g, khoản 1 Điều 1 Điều lệ.	Điều chỉnh để phù hợp với định nghĩa Người quản lý tại điểm g, khoản 1 Điều 1 Điều lệ.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
13	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: Chưa có quy định	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: <u>u. Thực hiện vai trò định hướng, giám sát đối với hệ thống công ty con, công ty liên kết và các đơn vị thuộc phạm vi, quyền lợi và trách nhiệm của Công ty với tư cách công ty mẹ, chủ sở hữu, thành viên góp vốn hoặc cổ đông, trên cơ sở quy định pháp luật, điều lệ của các pháp nhân có liên quan và các thỏa thuận hợp pháp giữa các bên.</u>		Bổ sung, hoàn thiện các quy định về phân định thẩm quyền, trách nhiệm và cơ chế phối hợp nhằm tạo cơ sở pháp lý để triển khai thống nhất mô hình quản trị của Công ty.
14	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: Chưa có quy định	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: <u>v. Giám sát, đánh giá việc triển khai và thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển và các mục tiêu trọng yếu của Công ty; yêu cầu Tổng Giám đốc và người điều hành thực hiện các biện pháp khắc phục, điều chỉnh hoặc báo cáo giải trình khi cần thiết. Việc giám</u>		Bổ sung, hoàn thiện các quy định về phân định thẩm quyền, trách nhiệm và cơ chế phối hợp nhằm tạo cơ sở pháp lý để triển khai thống nhất mô hình quản trị của Công ty.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
		<u>sát, định hướng và yêu cầu giải trình của Hội đồng quản trị không làm thay đổi hoặc thay thế trách nhiệm điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Giám đốc.</u>		
15	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: Chưa có quy định	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: <u>w. Giám sát việc thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, tuân thủ và quản trị phát triển bền vững của Công ty và, trong phạm vi quyền của Công ty với tư cách công ty mẹ, việc triển khai các khung quản trị tương ứng của các công ty trong Nhóm công ty.</u>		Bổ sung, hoàn thiện các quy định về phân định thẩm quyền, trách nhiệm và cơ chế phối hợp nhằm tạo cơ sở pháp lý để triển khai thống nhất mô hình quản trị của Công ty.
16	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: Chưa có quy định	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: <u>x. Thiết lập, ban hành và sửa đổi hệ thống phân cấp, phân quyền, ủy quyền và giao quyền của Công ty, bao gồm ma</u>		Bổ sung, hoàn thiện các quy định về phân định thẩm quyền, trách nhiệm và cơ chế phối hợp nhằm tạo cơ sở pháp lý để triển khai thống nhất mô hình quản trị của Công ty.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
		<u>trận phân quyền, phù hợp với chiến lược, cơ cấu tổ chức, khẩu vị rủi ro và nhu cầu quản trị điều hành của Công ty trong từng thời kỳ.</u>		
17	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: Chưa có quy định	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: <u>v. Xem xét và quyết định các vấn đề xung đột, bất đồng hoặc khác biệt về quản trị phát sinh giữa Công ty và các công ty con, công ty liên kết hoặc giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản trị của Công ty, trong phạm vi quyền của Công ty với tư cách công ty mẹ, chủ sở hữu, thành viên góp vốn hoặc cổ đông và phù hợp với pháp luật, Điều lệ của các pháp nhân liên quan và các thỏa thuận hợp pháp giữa các bên.</u>		Bổ sung, hoàn thiện các quy định về phân định thẩm quyền, trách nhiệm và cơ chế phối hợp, giải quyết xung đột nhóm công ty nhằm tạo cơ sở pháp lý để triển khai thống nhất mô hình quản trị của Công ty.
18	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:	Nguyên tắc 8.2.4 VNCG Code 2026	Bổ sung theo khuyến nghị của VNCG Code 2026.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	Chưa có quy định	<u>z. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</u>		
19	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 5. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 5. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng và <u>các lợi ích khác</u> cho thành viên Hội đồng quản trị theo <u>quyết định của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, chính sách thù lao của Công ty</u> và kết quả, hiệu quả kinh doanh của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao <u>trên cơ sở chức danh, nhiệm vụ, trách nhiệm, mức độ đóng góp, thời gian và mức độ cam kết cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, việc tham gia các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị và các trách nhiệm bổ sung khác</u>. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí <u>và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.</u>	Mục C.3.1; C.3.2; C.3.3 ACGS 2024. Nguyên tắc 4.5 VNCG Code 2026.	Bổ sung theo tham khảo khuyến nghị tại ACGS (Asean Corporate Governance Scorecard) version 2, 2024 và VNCG Code 2026
20	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 7. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ban, Ủy ban hoặc đơn vị/bộ phận hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, hoặc	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 7. <u>Công ty có thể áp dụng các cơ chế thù lao, thưởng và lợi ích khác phù hợp với vai trò và chức năng của từng thành viên Hội đồng quản trị.</u> Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành, <u>ngoài thù lao dành</u>	Mục C.3.1; C.3.2; C.3.3 ACGS 2024. Nguyên tắc 4.5 VNCG Code 2026.	Bổ sung theo tham khảo khuyến nghị tại ACGS (Asean Corporate Governance Scorecard) version 2, 2024 và VNCG Code 2026

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng <i>một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận</i> , hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.	<u>cho chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên đó có thể được hưởng tiền lương, thưởng và các lợi ích khác theo chức danh điều hành, trách nhiệm được giao và kết quả thực hiện nhiệm vụ, phù hợp với chính sách nhân sự, chính sách tiền lương, thưởng của Công ty và quy định của pháp luật.</u> Thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ban, Ủy ban hoặc đơn vị/bộ phận hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả <u>thêm tiền thù lao hoặc khoản thanh toán khác</u> theo quyết định của HĐQT <u>và phù hợp với quy định của pháp luật.</u> <u>Đối với thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và thành viên Hội đồng quản trị độc lập, cơ cấu thù lao phải bảo đảm tính khách quan, độc lập trong việc thực hiện chức năng quản trị, giám sát và bảo vệ lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông.</u>		
21	Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn Tổng giám đốc 5. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện	Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn Tổng giám đốc 5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao, và phải báo		Chỉnh sửa về từ ngữ để đảm bảo nghĩa của câu được trọn vẹn.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu	cáo lên Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông khi được yêu cầu.		
22	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 9. Trên cơ sở tuân thủ các quy định của Điều lệ, <u>Quy chế này</u>, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty, Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc <u>và Người quản lý khác</u> cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị thành viên, chi nhánh của Công ty (nếu có). [...]	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 9. Trên cơ sở tuân thủ các quy định của Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty, Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị thành viên, chi nhánh của Công ty (nếu có). [...]	Khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 và điểm g, khoản 1 Điều 1 Điều lệ.	Điều chỉnh để phù hợp với định nghĩa Người quản lý tại điểm g, khoản 1 Điều 1 Điều lệ.
23	Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.	Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường, <u>tối thiểu là 06 lần trong một năm.</u>	Nguyên tắc 1.4.4 VNCG Code 2026	Bổ sung theo khuyến nghị thông lệ tốt VNCG Code 2026.
24	Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị Chưa có quy định	Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị <u>Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành cần họp tối thiểu hai lần mỗi</u>	Nguyên tắc 1.4.4 VNCG Code 2026	Bổ sung theo khuyến nghị thông lệ tốt VNCG Code 2026.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
		<u>năm mà không có sự hiện diện của các thành viên Hội đồng quản trị điều hành.</u>		
25	Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 3.Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: [...] b.Có đề nghị của Tổng giám đốc <i>hoặc ít nhất 05 người quản lý khác</i>;	Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 3.Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: [...] b.Có đề nghị của Tổng giám đốc;	Khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 và điểm g, khoản 1 Điều 1 Điều lệ.	Điều chỉnh để phù hợp với định nghĩa Người quản lý tại điểm g, khoản 1 Điều 1 Điều lệ.
26	Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 16. Hội đồng quản trị có thể thành lập các Ban, Ủy ban hoặc đơn vị/bộ phận hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Số lượng, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện thành viên của mỗi Ban, Ủy ban hoặc đơn vị/bộ phận hỗ trợ do Hội đồng quản trị quyết định. Hội đồng quản trị ban hành quy chế tổ chức và hoạt động để quy định chi tiết về việc thành lập Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ, trách nhiệm của từng Ủy ban, trách nhiệm của thành viên của Ủy ban, cơ cấu tổ chức, cách thức tổ chức họp và biểu quyết, cách thức ra quyết định, thù lao, đánh giá và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ. Hoạt động	Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 16. Hội đồng quản trị có thể thành lập các Ban, Ủy ban hoặc đơn vị/bộ phận hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị. Số lượng, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện thành viên của mỗi Ban, Ủy ban hoặc đơn vị/bộ phận hỗ trợ do Hội đồng quản trị quyết định. Hội đồng quản trị ban hành quy chế tổ chức và hoạt động để quy định chi tiết về việc thành lập Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ, trách nhiệm của từng Ủy ban, trách nhiệm của thành viên của Ủy ban, cơ cấu tổ chức, cách thức tổ chức họp và biểu quyết, cách thức ra quyết định, thù lao, đánh giá và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của Ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ. Hoạt động của Ủy ban phải		Bổ sung nội dung làm cơ sở để Hội đồng quản trị ban hành các nguyên tắc, quy trình phối hợp giữa Hội đồng quản trị - Các ủy ban – Tổng giám đốc, Ban điều hành đảm bảo sự phối hợp hiệu quả trong Công ty.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	của Ủy ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.	tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. <u>Hội đồng quản trị quy định các nguyên tắc phối hợp giữa Hội đồng quản trị, các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.</u>		
27	Điều 33. Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty 4. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau [...] Chưa có quy định	Điều 33. Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty 4. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau <u>j. Là đầu mối phối hợp công tác quản trị giữa Hội đồng quản trị, các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị và các chủ thể quản trị tại công ty con, công ty liên kết và đơn vị thuộc phạm vi quản trị của Công ty theo phân công của Hội đồng quản trị.</u>		Bổ sung vai trò của Người phụ trách quản trị Công ty tạo cơ sở pháp lý để triển khai thống nhất mô hình quản trị của Công ty.
28	Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc <u>và Người quản lý khác</u> có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.	Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các ban, Ủy ban, đơn vị/bộ phận hỗ trợ của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.	Khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 và điểm g, khoản 1 Điều 1 Điều lệ.	Điều chỉnh để phù hợp với định nghĩa Người quản lý tại điểm g, khoản 1 Điều 1 Điều lệ.

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
29	Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc <u>và người quản lý khác</u> phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.	Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.	Khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 và điểm g, khoản 1 Điều 1 Điều lệ.	Điều chỉnh để phù hợp với định nghĩa Người quản lý tại điểm g, khoản 1 Điều 1 Điều lệ.
30	Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ 1.Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc thỏa thuận, giữa: [...] b.Cổ đông với Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc <u>hay Người quản lý khác.</u>	Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ 1.Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc thỏa thuận, giữa: [...] b.Cổ đông với Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.	Khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 và điểm g, khoản 1 Điều 1 Điều lệ.	Điều chỉnh để phù hợp với định nghĩa Người quản lý tại điểm g, khoản 1 Điều 1 Điều lệ.
31	Điều 50.Gia hạn hoạt động 2.Thời hạn hoạt động của Công ty được thay đổi khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành hoặc khi có số cổ đông đại diện <u>từ 50% trở lên</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	Điều 50.Gia hạn hoạt động 2.Thời hạn hoạt động của Công ty được thay đổi khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành hoặc khi có số cổ đông đại diện <u>trên 50%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	Khoản 4, Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020 Khoản 4 Điều 20 Điều lệ	Điều chỉnh phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ
32	Điều 53. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty đối với công ty con	Điều 53. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty đối với công ty con		Bổ sung, hoàn thiện các nguyên tắc về giao dịch liên kết nhằm tạo cơ sở

STT	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý	Lý do chỉnh sửa
	3. Giao dịch liên kết giữa công ty và các công ty con, công ty liên kết [...] Chưa có quy định	3. Giao dịch liên kết giữa công ty và các công ty con, công ty liên kết <u>c. Các giao dịch giữa Công ty và các công ty con, công ty liên kết và giữa các pháp nhân trong Nhóm công ty phải được thực hiện trên cơ sở hợp pháp, minh bạch, phù hợp với lợi ích của các bên, chiến lược chung các bên, tuân thủ quy định pháp luật về giao dịch với người có liên quan và các nguyên tắc, quy định nội bộ của Công ty và không được sử dụng như công cụ điều chỉnh doanh thu, lợi nhuận nhằm né tránh nghĩa vụ tài chính hoặc che giấu rủi ro.</u>		pháp lý để triển khai thống nhất mô hình quản trị của Công ty.
33	Điều 53. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty đối với công ty con Chưa có quy định	Điều 53. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty đối với công ty con <u>Công ty có quyền yêu cầu công ty con, công ty liên kết và người đại diện theo ủy quyền của Công ty cung cấp thông tin, báo cáo, giải trình cần thiết để Công ty thực hiện quyền của mình với tư cách công ty mẹ, chủ sở hữu, thành viên góp vốn hoặc cổ đông, cũng như thực hiện chức năng quản trị, giám sát, quản lý vốn, quản trị rủi ro và lập báo cáo hợp nhất, phù hợp với pháp luật, Điều lệ của pháp nhân có liên quan và các thỏa thuận hợp pháp giữa các bên.</u>		Bổ sung, hoàn thiện các nguyên tắc và cơ chế phối hợp nhằm tạo cơ sở pháp lý để triển khai thống nhất mô hình quản trị của Công ty.